

Hướng dẫn giải và trả lời câu hỏi sách bài tập toán Kết nối tri thức (KNTT) lớp 3 tập 1 Bài 2: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 trang 7, 8 chính xác nhất, mời các em học sinh và phụ huynh tham khảo.

Giải VBT Toán lớp 3 KNTT Bài 1 Tiết 1 trang 7

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 7 Bài 1: Tính nhẩm.

a) $60 + 20 = \dots\dots$ b) $500 + 300 = \dots\dots$

$80 - 60 = \dots\dots$ $800 - 500 = \dots\dots$

$80 - 20 = \dots\dots$ $800 - 300 = \dots\dots$

c) $900 + 100 = \dots\dots$

$1000 - 900 = \dots\dots$

$1000 - 100 = \dots\dots$

Lời giải:

a) $60 + 20 = \mathbf{80}$ b) $500 + 300 = \mathbf{800}$

$80 - 60 = \mathbf{20}$ $800 - 500 = \mathbf{300}$

$80 - 20 = \mathbf{60}$ $800 - 300 = \mathbf{500}$

c) $900 + 100 = \mathbf{1000}$

$1000 - 900 = \mathbf{100}$

$1000 - 100 = \mathbf{900}$

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 7 Bài 2: Đặt tính rồi tính:

a) $47 + 53$ $100 - 35$

.....

.....

.....

b) $275 + 18$ $482 - 247$

.....

.....

.....

Lời giải:

Đặt tính theo cột dọc sao cho các hàng thẳng cột với nhau, sau đó thực hiện phép cộng các số từ phải qua trái.

Các phép tính được thực hiện như sau:

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 53 \\ \hline 100 \end{array}$$

+ 7 cộng 3 bằng 10, viết 0 nhớ 1
+ 4 cộng 5 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10

Vậy $47 + 53 = 100$.

$$\begin{array}{r} 275 \\ + 18 \\ \hline 293 \end{array}$$

+ 5 cộng 8 bằng 13, viết 3 nhớ 1
+ 7 cộng 1 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9
+ 2 cộng 0 bằng 2, viết 2

Vậy $275 + 18 = 293$.

$100 + 0$ không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5 nhớ 1

$\begin{array}{r} 100 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$ + 3 thêm 1 bằng 4, 10 trừ 4 bằng 6, viết 6

65

Vậy $100 - 35 = 65$.

+ 2 không trừ được 7, lấy 12 trừ 5 bằng 5, viết 5 nhớ 1

$\begin{array}{r} 482 \\ - 247 \\ \hline \end{array}$ + 4 thêm 1 bằng 5, 8 trừ 5 bằng 3, viết 3

235

+ 4 trừ 2 bằng 2, viết 2

Vậy $482 - 247 = 235$.

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 7 Bài 3:

<p>Con lợn cân nặng 75 kg, con chó cân nặng 25 kg. Hỏi:</p> <p>a) Con lợn và con chó cân nặng tất cả bao nhiêu ki – lô – gam?</p> <p>b) Con chó nhẹ hơn con lợn bao nhiêu ki – lô – gam?</p>	<p><i>Bài giải</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	--

Lời giải:

a) Con lợn và con chó cân nặng tất cả số ki – lô – gam là:

$$75 + 25 = 100 \text{ (kg)}$$

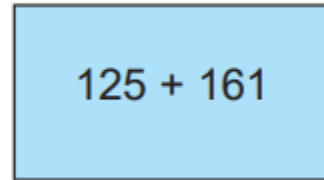
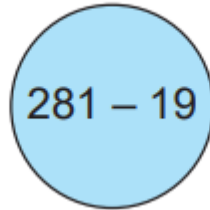
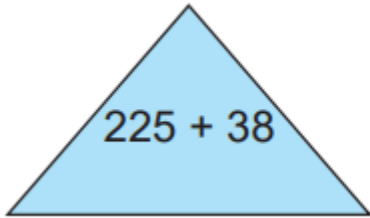
b) Con chó nhẹ hơn con lợn số ki – lô – gam là:

$$75 - 25 = 50 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 100 kg

b) 50 kg.

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 7 Bài 4: Chọn câu trả lời đúng.



Phép tính ghi ở hình nào có kết quả lớn nhất?

- A. Hình tam giác
- B. Hình tròn
- C. Hình chữ nhật

Lời giải:

Đáp án đúng là: C

Tính kết quả của các phép tính và so sánh các kết quả để tìm ra số lớn nhất

Em đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} + 225 \\ + 38 \\ \hline 263 \end{array} \quad \begin{array}{r} - 281 \\ - 19 \\ \hline 262 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 125 \\ + 161 \\ \hline 286 \end{array}$$

Vậy $225 + 38 = 263$

$281 - 19 = 262$

$125 + 161 = 286$

Ta thấy: $286 > 263 > 262$ (do số 286 có chữ số hàng chục là 8, số 263 và số 262 có chữ số hàng chục là 6).

Trong ba số trên, số lớn nhất là 286, là kết quả của phép tính $125 + 161$.

Vậy phép tính ghi ở hình chữ nhật có kết quả lớn nhất.

Giải VBT Toán KNTT lớp 3 trang 8 Bài 1 Tiết 2

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 8 Bài 1: Số?

a)

Số hạng	216	308	451
Số hạng	432	327	173
Tổng			

b)

Số bị trừ	456	527	634
Số trừ	231	342	208
Hiệu			

Lời giải:

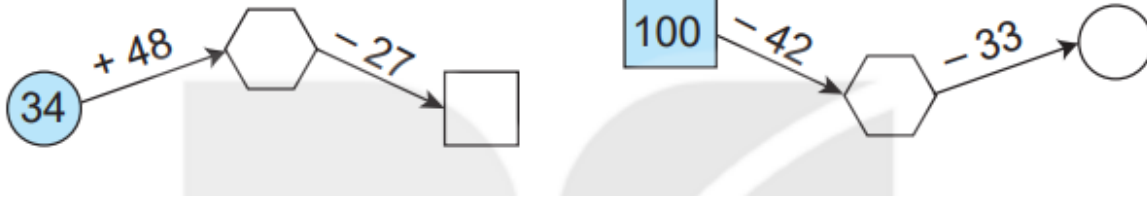
a) Muốn tìm tổng, ta lấy số hạng cộng với số hạng.

Số hạng	216	308	451
Số hạng	432	327	173
Tổng	648	635	624

b) Muốn tìm hiệu, ta lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

Số bị trừ	456	527	634
Số trừ	231	342	208
Hiệu	225	185	426

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 8 Bài 2: Số?



Lời giải:

+ Ta có: $34 + 48 = 82$

$$82 - 27 = 55$$

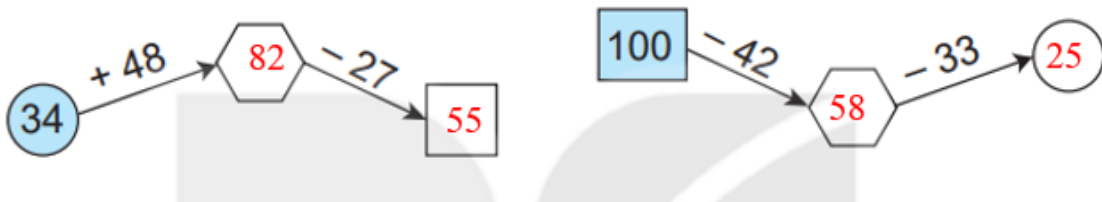
Do đó hai số cần điền vào ô trống lần lượt là 82; 55.

+ Ta có: $100 - 42 = 58$

$$58 - 33 = 25$$

Do đó hai số cần điền vào ô trống lần lượt là 58; 25.

Vậy ta điền vào ô trống như sau:



Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 8 Bài 3: Viết A, B, C, D, E thích hợp vào chỗ chấm.

125 + 35
168 + 103
472 - 317
392 - 125
270 - 110

A
B
C
D
E

- a) Bông hoa ghi phép tính có kết quả lớn nhất.
- b) Bông hoa ghi phép tính có kết quả bé nhất.
- c) Hai bông hoa và ghi hai phép tính có kết quả bằng nhau.

Lời giải:

Thực hiện tính toán để tìm kết quả của các phép tính và tiến hành so sánh:

Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 125 \\ + 35 \\ \hline 160 \end{array} \quad \begin{array}{r} 168 \\ + 103 \\ \hline 271 \end{array} \quad \begin{array}{r} 472 \\ - 317 \\ \hline 155 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 392 \\ - 125 \\ \hline 267 \end{array} \quad \begin{array}{r} 270 \\ - 110 \\ \hline 160 \end{array}$$

Khi đó:

+ Bông hoa A: $125 + 35 = 160$

+ Bông hoa B: $168 + 103 = 271$

+ Bông hoa C: $472 - 317 = 155$

+ Bông hoa D: $392 - 125 = 267$

+ Bông hoa E: $270 - 110 = 160$

· So sánh các kết quả: 160; 271; 155; 267; 160.

Ta thấy: $271 > 267 > 160 > 155$.

Trong các số trên, số lớn nhất là 271, tương ứng với kết quả của bông hoa B.

Do đó bông hoa B ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

Trong các số trên, số bé nhất là 155, tương ứng với kết quả của bông hoa C.

Do đó bông hoa C ghi phép tính có kết quả bé nhất.

Bông hoa A và bông hoa E đều có kết quả bằng 160.

Do đó hai bông hoa A và E có ghi phép tính có kết quả bằng nhau.

Vậy ta điền vào như sau:

- a) Bông hoa B ghi phép tính có kết quả lớn nhất.
- b) Bông hoa C ghi phép tính có kết quả bé nhất.
- c) Hai bông hoa A và E ghi hai phép tính có kết quả bằng nhau.

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 8 Bài 4:

<p>Một cửa hàng buổi sáng bán được 100 l nước mắm, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 25 l nước mắm.</p> <p>Hỏi:</p> <p>a) Buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?</p> <p>b) Cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?</p>	<p><i>Bài giải</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
---	--

Lời giải:

- a) Buổi chiều cửa hàng bán được số lít nước mắm là:

$$100 - 25 = 75 \text{ (l)}$$

b) Cả hai buổi của hàng bán được số lít nước mắm là:

$$100 + 75 = 175 \text{ (l)}$$

Đáp số: a) 75 l

b) 175 l